

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG YÊN
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2024/HS-ST
Ngày 08 - 5 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG YÊN - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Huy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Khắc Hoàn

Ông Đàm Chí Thân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Duy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2023/TLST - HS ngày 05 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST - HS ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 17 tháng 8 năm 1972 tại **thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**. Nơi thường trú: **thôn B, xã L, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn Q** và bà **Hoàng Thị L**; bị cáo có vợ và có 03 con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt trong trường hợp khẩn cấp ngày 11/12/2023, hiện tạm giam tại Trại Tạm giam **Công an tỉnh Q**; có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn H**, sinh ngày 17 tháng 11 năm 1973 tại **thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**. Nơi thường trú: **thôn H, xã L, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn X** và bà **Đào Thị H1**; bị cáo có vợ và có 04 con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt trong trường hợp khẩn cấp ngày 11/12/2023, hiện tạm giam tại Trại Tạm giam **Công an tỉnh Q**; có mặt.

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn C**, sinh ngày 30 tháng 10 năm 1994 tại **thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**. Nơi thường trú: **thôn N, xã L, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**; nơi ở: **thôn F, xã L, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn P** và bà **Nguyễn Thị T1**; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền

sự: không; nhân thân: ngày 01/12/2020 và 07/8/2021, bị Công an thị xã Q xử phạt vi phạm hành chính về hành vi: “Xâm hại sức khỏe của người khác”. Bị cáo bị giữ, bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 12/12/2023, bị tạm giữ đến ngày 20/12/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh”, hiện tại ngoại nơi cư trú; có mặt.

- **Bị hại:** Anh Lê Mạnh T2, sinh năm 1976; nơi thường trú: thôn A, xã L, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Anh Trần Văn T3, sinh năm 1981; nơi thường trú: thôn G, xã L, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

- **Người làm chứng:** Anh Vũ Văn H2; chị Nguyễn Thị N; chị Nguyễn Thị C1; chị Lê Thị T4; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn H không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định nên rủ nhau đi mò hàu, hà tự nhiên để bán lấy tiền. Trong quá trình đi làm, T thấy nhiều bè nuôi hàu, hà của các hộ dân neo đậu ở vùng biển vào buổi tối không có người trông coi nên nảy sinh ý định và rủ H đi trộm cắp để bán lấy tiền, H đồng ý. Thoải và H đã sử dụng 01 (một) chiếc thuyền nan, được dán nhựa C2 (có chiều dài 4,15 m, chiều rộng 1,78 m, chiều cao 58 cm, phía sau thuyền có máy nổ chạy bằng xăng, nhãn hiệu YAMANISAN) do T mượn trước đó vào khoảng tháng 10 năm 2023 của anh Trần Văn T3 và 01 (một) con dao (có chiều dài 23 cm, cán dao bằng nhựa cứng màu xanh dài 11 cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 12cm, bản rộng 2,5 cm, có một cạnh sắc, đầu dao tù) của H làm phương tiện chở và cắt các dây hàu, hà. Trong các ngày 08, 10 và 11/12/2023, T và H đã thực hiện 03 vụ trộm cắp H4 (loại hà thịt trưởng thành, còn tươi sống, nguyên vỏ) tại bè nuôi trồng thủy sản của anh Lê Mạnh T2 tại vùng biển thuộc thôn F, xã L, thị xã Q, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 07/12/2023, H điều khiển thuyền máy ra khu vực sông C tìm những bè nuôi hà đại dương không có người trông coi để trộm cắp. Khoảng 00 giờ 00 phút ngày 08/12/2023, T và H đi đến khu vực biển thuộc thôn F, xã L thì phát hiện 01 mảng bè nuôi hà đại dương không có người trông coi của anh Lê Mạnh T2. H đi lên khung mảng bè dùng dao cắt các dây buộc con hà đại dương rồi chuyển cho T để cất giấu trên thuyền. Đến khoảng 02 giờ 00 phút cùng ngày thì H điều khiển thuyền chở hà về bến trông giữ tàu thuyền của nhà anh Lê Văn H3 ở gần bến L thuộc thôn F, xã L, thị xã Q để neo đỗ, dùng bạt phủ kín hà trên thuyền rồi về nhà ngủ. Đến khoảng 06 giờ 00 phút ngày 08/12/2023, T cùng H ra bến, điều khiển thuyền chở hà đại dương trộm cắp được đến bến L để bán. H biết Nguyễn Văn C thu mua hà, hàu nên H đến nhà C nói muốn bán hà thì C đồng ý ra xem. Khi xem mẫu hà xong, C hỏi Thoải “hà chú cất ở đâu” thì T trả lời “hà chú cất trộm trên sông”. C đồng ý mua với giá 10.000 đồng/01 kg thì T và H đồng ý bán. Sau đó C về nhà gọi chị Nguyễn Thị C1 và chị Nguyễn Thị N là công nhân mò hà tại nhà C mang sọt nhựa để vận chuyển hà từ thuyền lên bến cân được tổng khối

lượng là 670 kg (sáu trăm bảy mươi kilôgam), **C** trả cho **T** 6.700.000 đồng. **H** và **T** đã chia đôi số tiền trên và chi tiêu cá nhân hết.

Lần thứ hai: Khoảng 00 giờ 00 phút ngày 10/12/2023, **H** tiếp tục điều khiển thuyền chở **T** đến khu vực bè nuôi hà của anh **T2**, **H** dùng dao cắt dây buộc nuôi hà đưa cho **T** để lên thuyền, cả hai trộm cắp được 690 kg (sáu trăm chín mươi kilôgam) hà đại dương của anh **T2** rồi chở về neo đậu tại bến trông giữ thuyền của nhà anh **H3**. Đến khoảng 06 giờ 00 phút cùng ngày, **T** và **H** điều khiển thuyền chở số hà trên đến **bến L** và bán cho **C**, **C** biết được số hà trên do **T** và **H** trộm cắp được mà có nhưng vẫn mua và đưa cho **T** số tiền 6.900.000 đồng. **T** và **H** đã chia đôi số tiền trên và chi tiêu cá nhân hết.

Lần thứ ba: Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 11/12/2023, **H** tiếp tục điều khiển thuyền chở **T** đến khu vực bè nuôi hà của anh **T2**, **H** dùng dao cắt dây buộc nuôi hà đưa cho **T** để lên thuyền, cả hai trộm cắp được 725 kg (bảy trăm hai mươi lăm kilôgam) hà đại dương của anh **T2** rồi chở về neo đậu tại bến trông giữ thuyền của nhà anh **H3**. Đến khoảng 06 giờ 30 phút cùng ngày, **T** và **H** điều khiển thuyền chở số hà trên đến **bến L** và bán cho **C**, **C** không cân mà ước chừng khoảng 700 kg, **C** biết được số hà trên do **T** và **H** trộm cắp được mà có nhưng vẫn mua với giá 9.500 đồng/1kg và trả cho **T** 6.680.000 đồng. Thoải cầm tiền xong thì bị lực lượng **Công an xã L** đến kiểm tra hành chính. **T** và **H** khai nhận số hà bán cho **C** có được do trộm cắp mà có, **Công an xã L** tiến hành cân, thu giữ 16 sọt hà tổng khối lượng là 725kg, ngoài ra còn thu giữ: 01(một) chiếc thuyền lan dán nhựa Composite, 01 con dao, số tiền 6.680.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 106/KL - HĐĐG ngày 18/12/2023 Của Hội đồng định giá tài sản **thị xã Q**, kết luận: 725 kg hà đại dương (hà thịt) còn tươi sống, nguyên vỏ, trị giá là 8.700.000đ (Tám triệu bảy trăm nghìn đồng).

Kết luận định giá tài sản số 107/KL - HĐĐG ngày 19/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản **thị xã Q**, kết luận: 670 kg hà đại dương (hà thịt đã trưởng thành, còn tươi sống) trị giá là 8.040.000đ (Tám triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng); 690 kg hà đại dương (hà thịt đã trưởng thành, còn tươi sống) trị giá là 8.280.000đ (Tám triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Tại cơ quan điều tra, bị cáo **Nguyễn Văn T**, **Nguyễn Văn H** và **Nguyễn Văn C** có lời khai phù hợp với nội dung vụ án. Bị cáo **T** và **H** khai: vị trí treo các dây hà đại dương mà **T** và **H** cắt trộm trong vụ thứ nhất được treo trên **K** bè bên trái, hướng bè từ **xã L**, **thị xã Q** về **thành phố H**, vụ thứ hai và vụ thứ ba đều là bên phải. Thoải và **H** không có sự bàn bạc, hứa hẹn từ trước với **C**, chỉ sau khi trộm cắp được hà thì sẽ mang bán cho **C**. Bị cáo **C** khai 3 lần **T** và **H** mang hà đến bán thì bị cáo biết số hà trên do trộm cắp mà có nhưng bị cáo vẫn mua mục đích để bán lại cho người khác với giá cao hơn.

Quá trình điều tra, bị hại **Lê Mạnh T2** có lời khai như sau: Anh nuôi hà đại dương tại khu vực **sông C gần hòn C thuộc thôn F, xã L, thị xã Q** và có thuê người trông coi. Khoảng 11 giờ ngày 11/12/2023, anh được **Công an xã L** thông báo về việc có phát hiện kẻ gian trộm cắp hà đại dương của anh. Sau khi anh đi kiểm tra, phát hiện đã bị mất trộm khoảng 2000kg hà đại dương nuôi tại khu vực này. Sau đó, anh được biết **Nguyễn Văn H** và **Nguyễn Văn T** đã cùng nhau trộm cắp 2085kg hà

đại dương của anh và bán cho Nguyễn Văn C vào các ngày 8/12/2023, ngày 10/12/2023 và đến ngày 11/12/2023 thì bị Công an xã L kiểm tra phát hiện. Công an xã đã bàn giao lại cho anh 725kg hà mà T, H đã trộm cắp của anh vào ngày 11/12/2023.

Những người làm chứng (anh Vũ Văn H2, chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị C1 và chị Lê Thị T4) đều có lời khai về thời gian, địa điểm và tình tiết vụ án phù hợp với nội dung đã nêu.

Tại Cáo trạng số: 178/CT-VKSQY ngày 04/4/2024, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Văn C về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn C đều nhận thức được hành vi trái pháp luật của mình, thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố là đúng người, đúng tội, không oan.

Bị hại Lê Mạnh T2 có quan điểm đề nghị như sau: Về bồi thường dân sự, anh T2 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho anh số tiền là 80.000.000đ, trong quá trình điều tra, Nguyễn Văn C đã bồi thường cho anh 10.000.000đ (mười triệu đồng) nên anh không yêu cầu bồi thường gì thêm đối với bị cáo C, số tiền còn lại là 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) anh yêu cầu các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn H phải tiếp tục bồi thường; ngoài ra anh xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Nguyễn Văn C.

Đối với quan điểm về yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị hại, các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H có quan điểm như sau: cả hai bị cáo không đồng ý bồi thường số tiền 70.000.000đ cho bị hại. Các bị cáo chỉ chấp nhận bồi thường thiệt hại số tiền tương ứng với giá trị tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt theo kết luận định giá tài sản.

Bị cáo Nguyễn Văn C có quan điểm: bị cáo tự nguyện bồi thường 10.000.000đ thay cho các bị cáo T và H số tiền 10.000.000đ và không yêu cầu các bị cáo T và H phải trả lại cho bị cáo số tiền trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng đã nêu và phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 15 (mười lăm) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/12/2023 và xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/12/2023 cùng về tội: “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 (hai mươi bốn) đến 30 (ba mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án về tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Về trách nhiệm dân sự, căn cứ kết quả định

giá tài sản, các bị cáo còn phải bồi thường cho bị hại số tiền là 16.320.000đ. Quá trình điều tra, bị cáo **Nguyễn Văn T** đã tác động gia đình nộp vào Chi cục thi hành án dân sự 13.000.000đ, bị cáo **Nguyễn Văn C** tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000đ, cả hai bị cáo **T** và **C** đều đồng ý bồi thường thay cho bị cáo **Nguyễn Văn H** và bồi thường cho bị hại toàn bộ số tiền nói trên; do đó, đề nghị trả cho anh **Lê Mạnh T2** số tiền 13.000.000đ hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Quảng Yên. Đối với yêu cầu của bị hại buộc hai bị cáo **Nguyễn Văn T** và **Nguyễn Văn H** phải bồi thường số tiền 70.000.000đ là không có căn cứ nên đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu. Ngoài ra, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo và xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Bị hại có quan điểm tranh luận: bị hại không đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về trách nhiệm dân sự và giữ nguyên quan điểm của mình.

Các bị cáo không tranh luận với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng các bị cáo bày tỏ thái độ ăn năn, hối hận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thị xã Q**, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo **Nguyễn Văn T**, **Nguyễn Văn H** và **Nguyễn Văn C** đều khai nhận toàn bộ hành vi mà mình đã thực hiện và thừa nhận nội dung Cáo trạng, Luận tội của Viện kiểm sát đã nêu là đúng. Xét thấy, lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; phù hợp với kết luận giám định, biên bản hiện trường cùng các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, đã được làm rõ tại phiên tòa. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 00 giờ các ngày 08/12/2023, ngày 10/12/2023 và khoảng 01 giờ 00 phút ngày 11/12/2023 tại khu vực bè nuôi trồng thủy sản thuộc **thôn F, xã L, thị xã Q**, **Nguyễn Văn H** và **Nguyễn Văn T** có hành vi trộm cắp tổng số 2085 kg (hai nghìn không trăm tám mươi lăm kilôgam) hà đại dương của anh **Lê Mạnh T2** có tổng trị giá 25.020.000đ (hai mươi lăm triệu không trăm hai mươi nghìn đồng). **Nguyễn Văn C** đã thu mua số hà đại dương trên trong các ngày 8, 10 và 11/12/2023 mặc dù biết rõ đây là tài sản do trộm cắp mà có.

Hành vi nêu trên của các bị cáo **Nguyễn Văn T** và **Nguyễn Văn H** đã cấu thành tội: “*Trộm cắp tài sản*”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo **Nguyễn Văn C** đã cấu thành tội: “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm*

tội mà có”, theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự, như nội dung Cáo trạng số: 178/CT-VKSQY ngày 04/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo:

Hành vi của các bị cáo **Nguyễn Văn T** và **Nguyễn Văn H** đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân và gây mất trật tự trị an trên địa bàn thị xã; hành vi của bị cáo **Nguyễn Văn C** đã xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, gián tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Bản thân các bị cáo đều là người đã trưởng thành, có khả năng nhận thức được việc trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật, song vì hám lợi nên các bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi, vai trò và nhân thân của từng bị cáo mới có tác dụng cải tạo giáo dục và phòng ngừa.

[4] Về vai trò của các bị cáo:

Đối với tội: “Trộm cắp tài sản”: đây là vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo **Nguyễn Văn T** giữ vai trò khởi xướng, bàn bạc và rủ rê **Nguyễn Văn H** cùng thực hiện hành vi “trộm cắp tài sản” nên giữ vai trò đầu và phải chịu mức hình phạt cao nhất; bị cáo **Nguyễn Văn H** thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm tích cực nên phải chịu mức hình phạt sau bị cáo **T**.

Bị cáo **Nguyễn Văn C** giữ vai trò độc lập với tội danh: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nên phải chịu trách nhiệm hình sự về tội danh này.

[5] Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo **Nguyễn Văn T**, **Nguyễn Văn H** và **Nguyễn Văn C** đều bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo **T**, **H** và **C** đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo **Nguyễn Văn T** đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường số tiền 13.000.000 đồng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo **Nguyễn Văn C** đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lời bất chính 2.000.000 đồng, tự nguyện bồi thường thay cho các bị cáo khác số tiền 10.000.000đ, được bị hại **Lê Mạnh T2** xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, ngoài ra bị cáo còn được Ủy ban nhân dân xã H, thị xã Q tặng Giấy khen vì có thành tích xuất sắc trong công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm, đảm bảo an ninh, trật tự nên bị cáo **C** còn được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy: bị cáo **Nguyễn Văn T** là người khởi xướng trong vụ án; bị cáo **Nguyễn Văn H** sau khi phạm tội đã không có ý thức tự nguyện khắc phục hậu quả do đó cần áp dụng hình phạt tù giam đối với cả hai bị cáo này mới có tác

dụng cải tạo, giáo dục, răn đe và phòng ngừa, tuy nhiên cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật; bị cáo **Nguyễn Văn C** có nhiều tình tiết giảm nhẹ (điểm s khoản 1 Điều 51, bị cáo có 3 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự), có nơi cư trú rõ ràng nên xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo cũng đủ để cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội, như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, bị hại **Lê Mạnh T2** có yêu cầu các bị cáo **Nguyễn Văn T** và **Nguyễn Văn H** phải bồi thường số tiền 80.000.000đ, tuy nhiên anh **T2** không đưa ra được các căn cứ liên quan chứng minh yêu cầu của mình. Cả hai bị cáo **T** và **H** đều không chấp nhận mà chỉ đồng ý bồi thường theo quy định pháp luật; Căn cứ vào các kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản **thị xã Q** đã xác định số hầu, hà bị chiếm đoạt trị giá là 25.020.000 đồng, trong đó Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại 725 kg hà đại dương còn sống tương đương giá trị là 8.700.000 đồng cho chủ sở hữu anh **Lê Mạnh T2**; đối với số tiền còn lại là 16.320.000đ cần buộc các bị cáo **Nguyễn Văn T** và **Nguyễn Văn H** phải bồi thường cho anh **Lê Mạnh T2**. Quá trình điều tra, bị cáo **Nguyễn Văn C** đã tự nguyện trả cho anh **T2** số tiền 10.000.000đ, bị cáo **Nguyễn Văn T** đã tác động đến gia đình tự nguyện nộp vào **Chi cục dân sự thị xã Q** số tiền là 13.000.000đ để bồi thường cho anh **T2**, như vậy số tiền các bị cáo bồi thường đã lớn hơn giá trị thiệt hại cần khắc phục, nhưng cả hai bị cáo **T** và **C** đều tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền nói trên cho anh **T2**. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường này.

Đối với yêu cầu của bị hại **Lê Mạnh T2** buộc các bị cáo **Nguyễn Văn T** và **Nguyễn Văn H** phải bồi thường số tiền 70.000.000đ là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận số tiền các bị cáo đã tự nguyện nộp và chấp nhận bồi thường là $10.000.000đ + 13.000.000đ = 23.000.000đ$.

Tại phiên tòa, các bị cáo **Nguyễn Văn T** và **Nguyễn Văn C** đều đồng ý bồi thường thay cho bị cáo **Nguyễn Văn H** và không yêu cầu bị cáo **H** phải trả lại số tiền này. Trường hợp bị cáo **T** và **C** có yêu cầu bị cáo **H** phải trả lại số tiền bồi thường thiệt hại thì tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[7] Về số tiền do phạm tội mà có: đối với số tiền 13.600.000đ do phạm tội mà có, bị cáo đã chi tiêu hết. Quá trình điều tra các bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền bị chiếm đoạt, do đó không buộc các bị cáo **T** và **H** phải nộp lại số tiền này.

Đối với số tiền thu lợi bất chính 2.000.000đ, bị cáo **Nguyễn Văn C** đã tự nguyện nộp lại cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) chiếc thuyền nan các bị cáo **T** và **H** sử dụng vào mục đích phạm tội, quá trình điều tra xác định là của anh **Trần Văn T3**, anh **T3** không biết các bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội, cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là anh **Trần Văn T3** nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

- Đối với 01 con dao mà **H** sử dụng vào việc trộm cắp, 16 (mười sáu) chiếc sọt bằng nhựa mà **C** sử dụng để mua hàng xét thấy không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 6.680.000 đồng thu giữ của **T**, số tiền 2.000.000 đồng mà **C** tự nguyện nộp lại, xét thấy đây là số tiền do phạm tội mà có và khoản thu lời bất chính từ việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[9] Về các biện pháp ngăn chặn: cần tiếp tục áp dụng biện pháp tạm giam đối với các bị cáo **Nguyễn Văn T** và **Nguyễn Văn H** để đảm bảo thi hành án và hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “tạm hoãn xuất cảnh” đối với các bị cáo **Nguyễn Văn C**.

[10] Về các vấn đề khác:

Đối với việc anh **Trần Văn T3** cho **T** mượn thuyền nhưng không biết **T** sử dụng thuyền để đi trộm cắp tài sản; chị **Nguyễn Thị N**, chị **Nguyễn Thị C1** vận chuyển hàng từ thuyền lên bờ không biết là tài sản do trộm cắp mà có nên không đề cập xử lý.

[11] Về hình phạt bổ sung: các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[12] Về án phí: các bị cáo **Nguyễn Văn T**, **Nguyễn Văn H**, **Nguyễn Văn C** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; căn cứ điểm e khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị hại **Lê Mạnh T2** phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

[13] Về quyền kháng cáo: các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn T** phạm tội: “Trộm cắp tài sản”;

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/12/2023;

Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn H** phạm tội: “Trộm cắp tài sản”;

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H** 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/12/2023;

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn C** phạm tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác

phạm tội mà có”;

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn C** 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo **Nguyễn Văn C** cho Ủy ban nhân dân xã L, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về trách nhiệm dân sự: căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 586 của Bộ luật Dân sự:

Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường thiệt hại cho anh **Lê Mạnh T2** tổng số tiền 23.000.000đ (Hai mươi ba triệu đồng), trong đó có: 10.000.000đ (Mười triệu đồng) của bị cáo **Nguyễn Văn C** và 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng) của bị cáo **Nguyễn Văn T**.

Trả lại cho bị hại **Lê Mạnh T2** số tiền 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0003118 ngày 01/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Quảng Yên.

- Về số tiền thu lợi bất chính: căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự;

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) do ông **Lê Văn M** là thân nhân của bị cáo **Nguyễn Văn C** tự nguyện nộp thay cho bị cáo **C**, theo Biên lai thu tiền số 0003133 ngày 22/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Quảng Yên.

- Về xử lý vật chứng: căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao (có chiều dài 23cm, cán dao bằng nhựa, màu xanh, dài 11cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 12cm, bản rộng 2,5cm, có một cạnh sắc, đầu dao tù; 16 (mười sáu) chiếc sọt bằng nhựa có kích thước giống nhau (67 x 49 x 31) cm.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 6.680.000đ (sáu triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng) thu giữ của bị cáo **Nguyễn Văn T**, tại gói gửi số 03/2024/CATX theo Phiếu nhập kho ngày 17/4/2024 của **Kho bạc Nhà nước Q1**.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Quảng Yên).

- Về biện pháp ngăn chặn: căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “tạm hoãn xuất cảnh”, theo **L1** cấm đi khỏi nơi cư trú số: 37/2024/LCĐKNCT-TA, ngày 19 tháng 4 năm 2024 và Quyết định tạm hoãn xuất cảnh số: 59/2024/QĐ-TA, ngày 19 tháng 4 năm 2024, của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh đối với bị

cáo **Nguyễn Văn C** từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo **Nguyễn Văn T**, **Nguyễn Văn H** và **Nguyễn Văn C** mỗi bị cáo có nghĩa vụ nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm; bị hại **Lê Mạnh T2** có nghĩa vụ nộp 2.850.000đ (*hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự.

- Về quyền kháng cáo: căn cứ Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TX Quảng Yên;
- Công an TX Quảng Yên;
- VKSND; TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THA DS TX Quảng Yên;
- CQ THA HS;
- TTG Công an T. QN;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Huy

